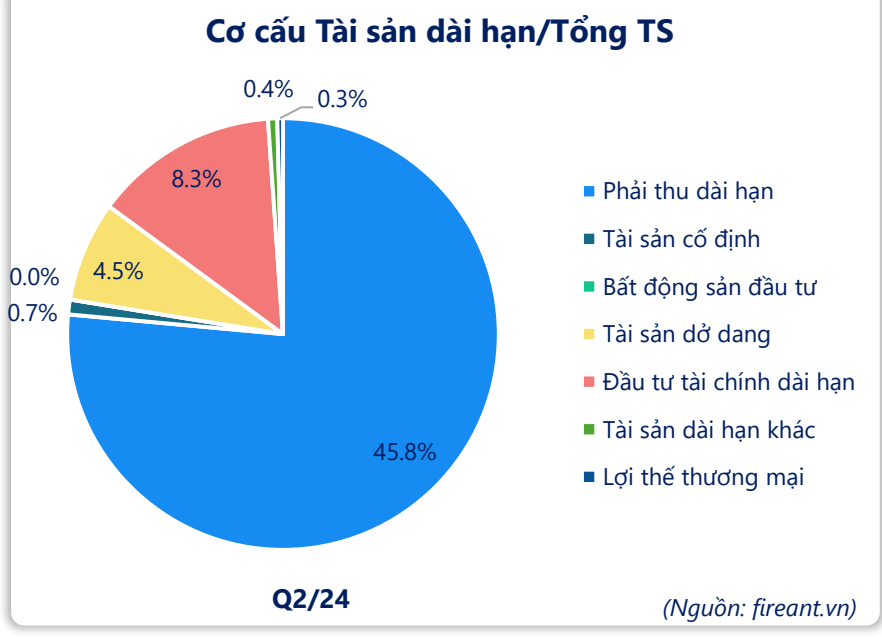
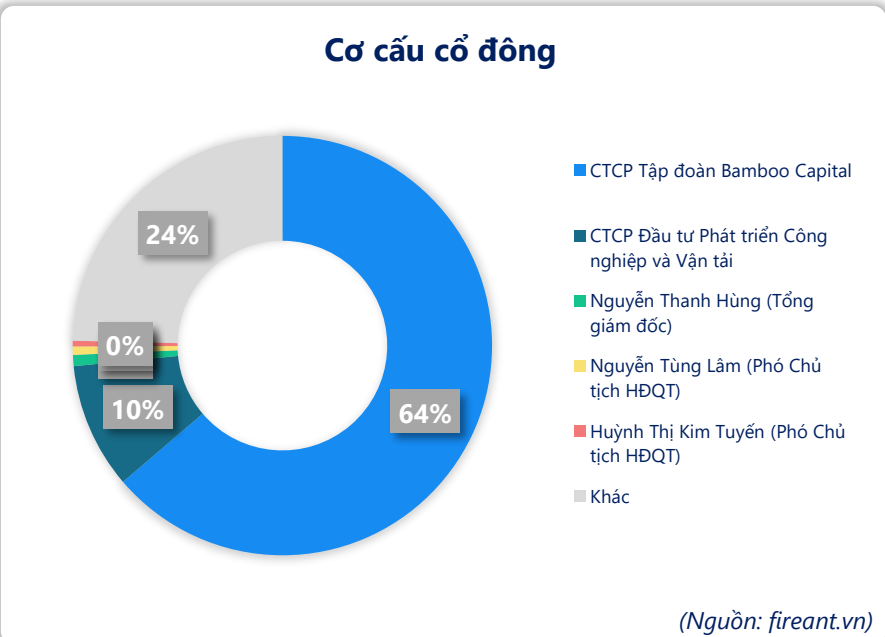
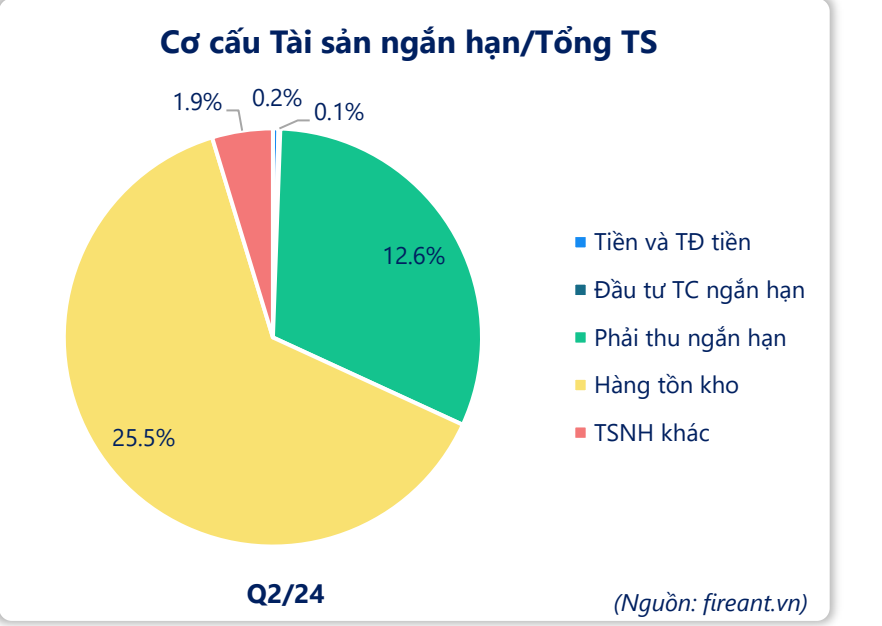
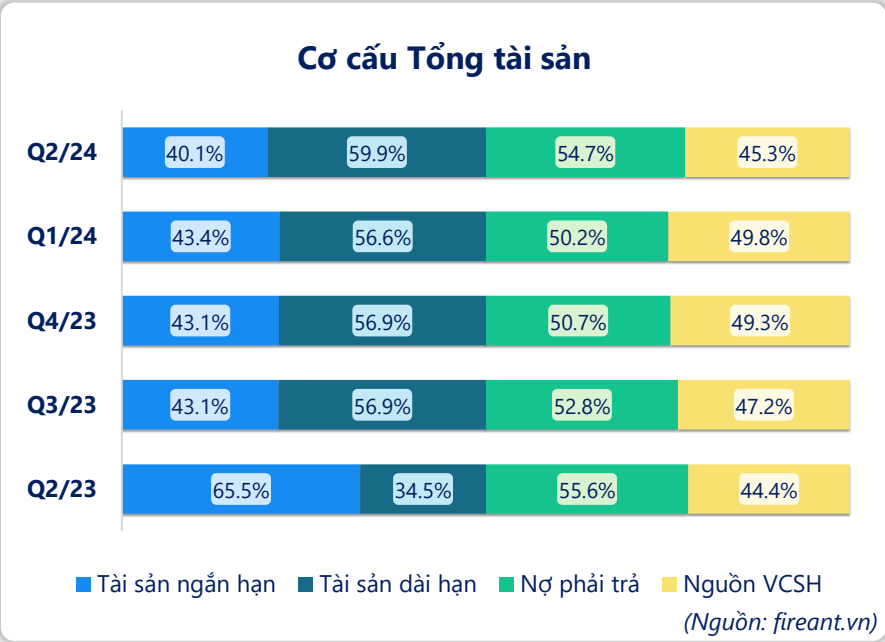
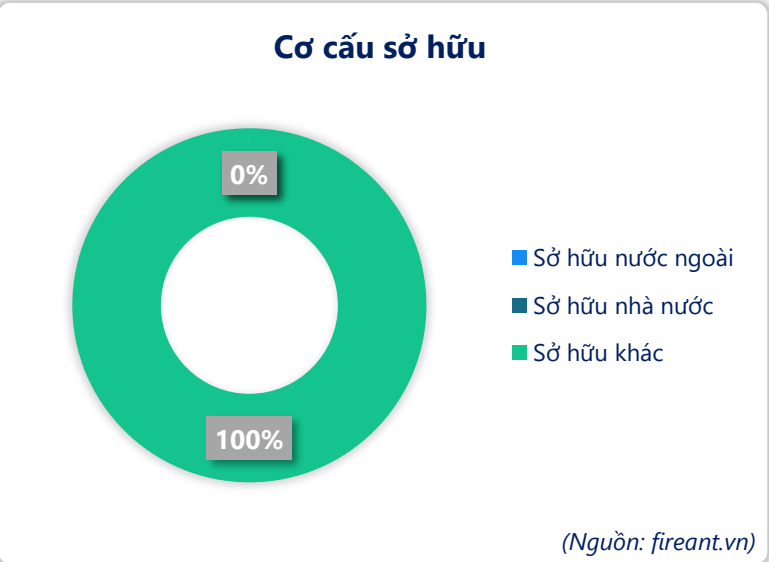
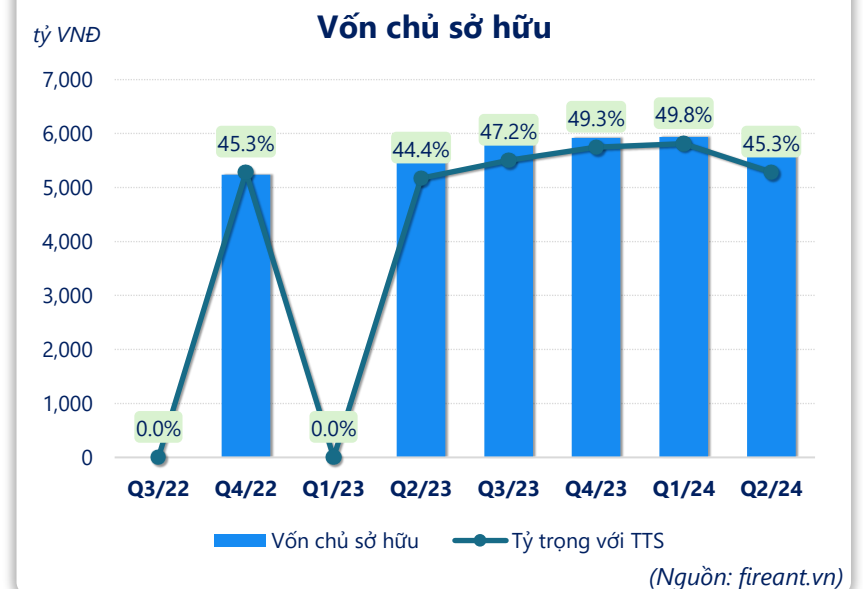
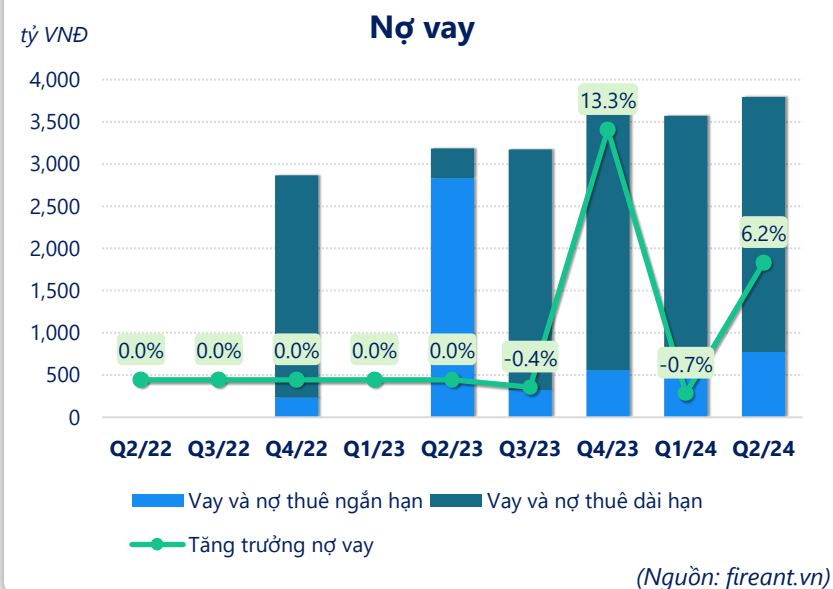
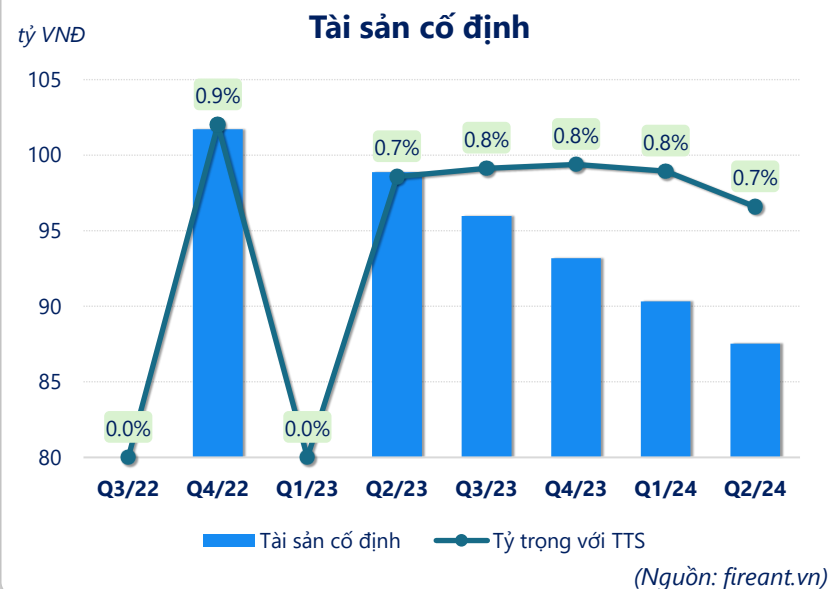
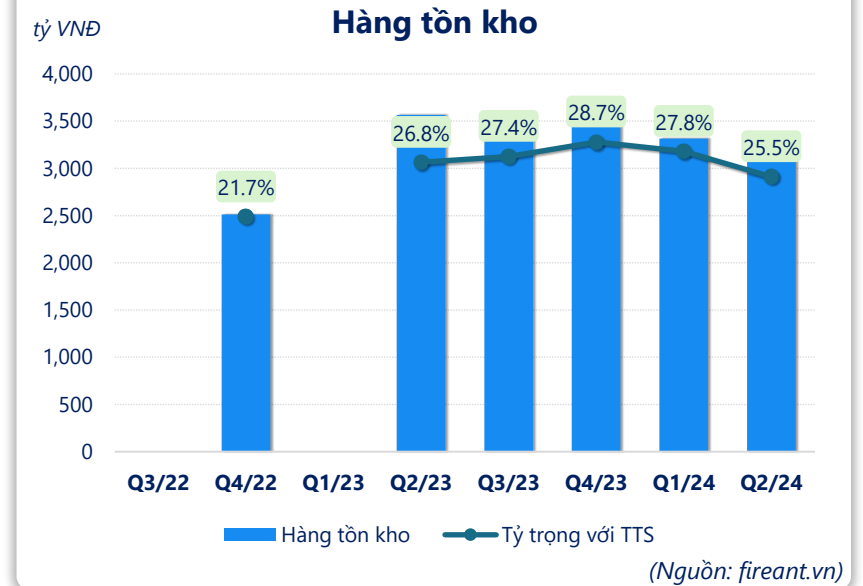
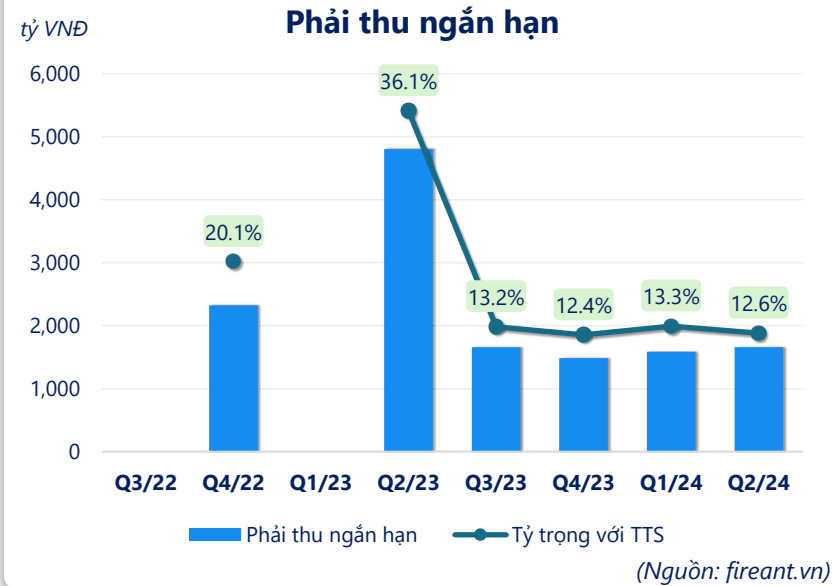
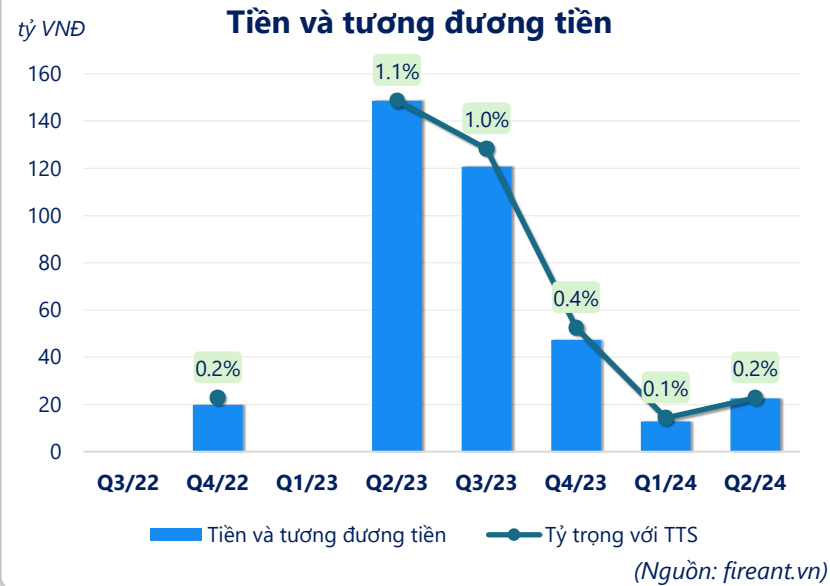
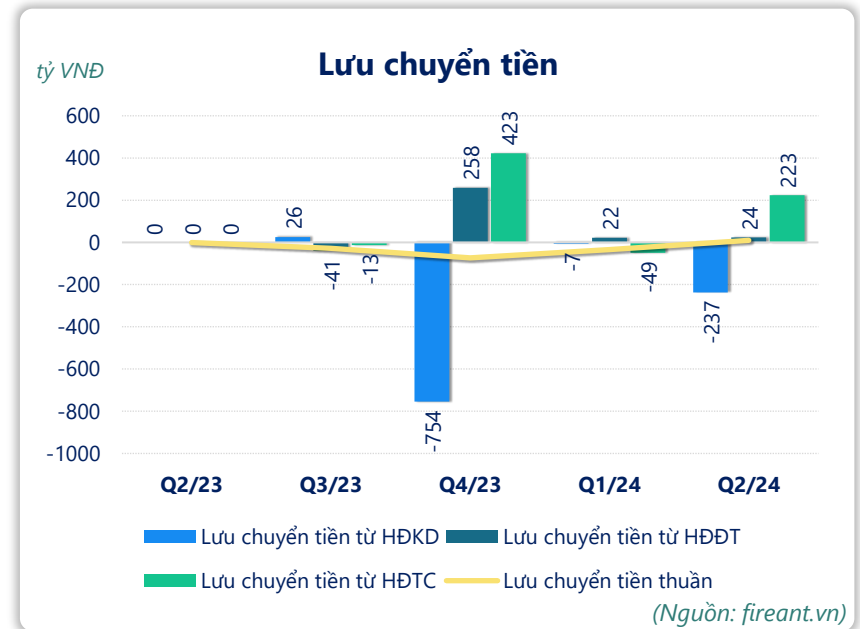
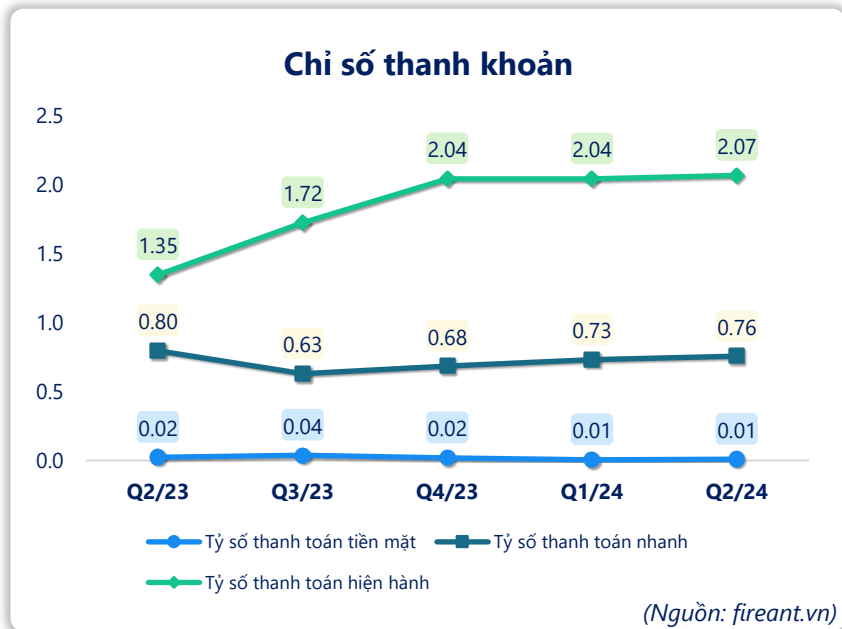
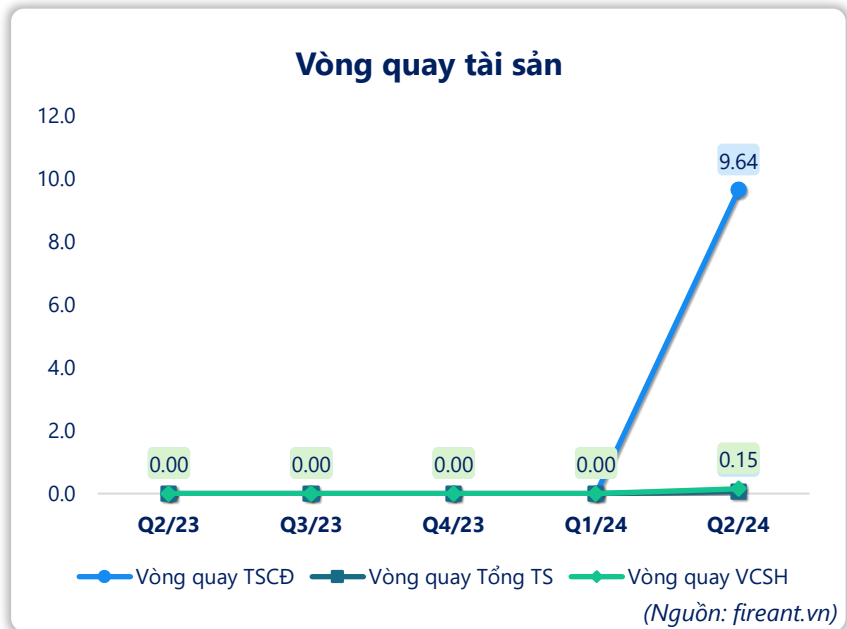
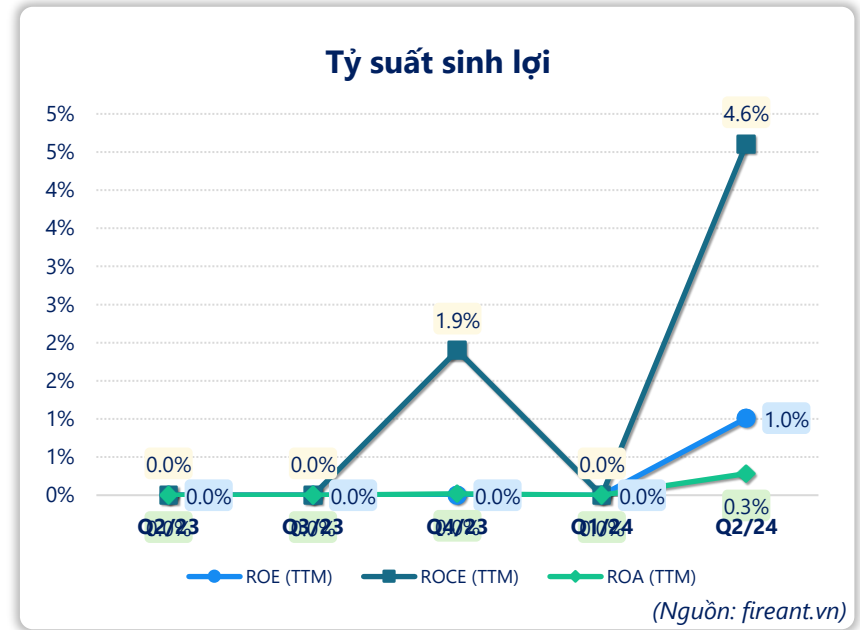
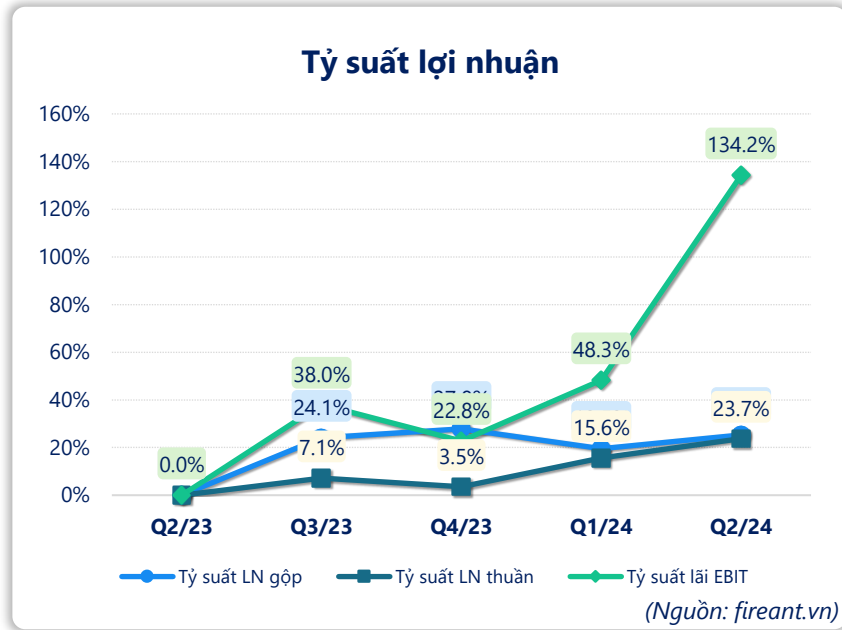
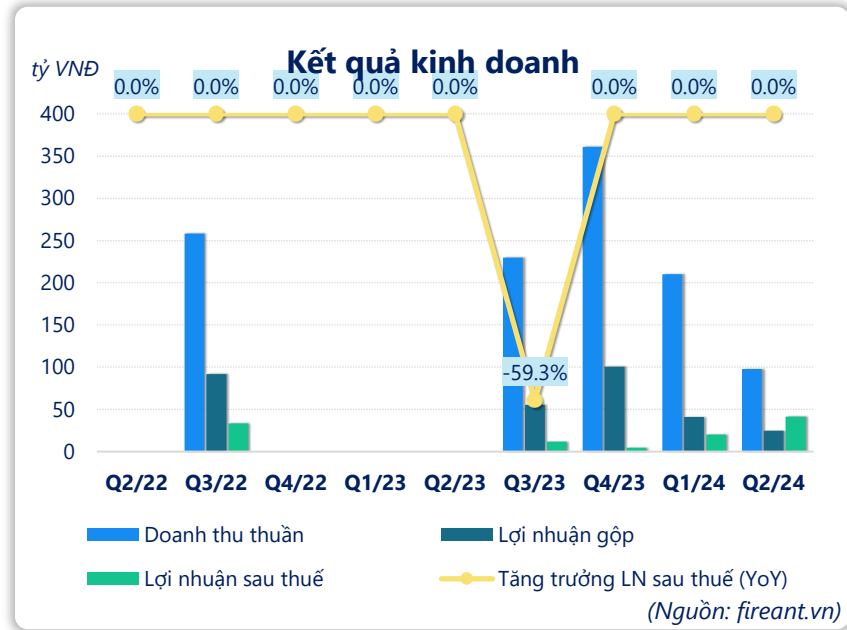


Thông tin giao dịch		28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	6,000	
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,042	
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,637	
SL cổ phiếu LH	460,000,000	
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,167,750	
% sở hữu nước ngoài	0.0%	
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,760	
P/E	46.0	
EPS	131	

	YTD	1T	3T	6T
BCR	-31.0%	-3.0%	3.5%	3.5%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	0.2%	-2.4%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	13,197	12,020	9.8%
Tài sản ngắn hạn	5,298	5,240	1.1%
Tiền và tương đương tiền	22.6	47.3	-52.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.43	7.24	2.6%
Phải thu ngắn hạn	1,658	1,487	11.5%
Hàng tồn kho	3,361	3,449	-2.5%
Tài sản ngắn hạn khác	249	250	-0.6%
Tài sản dài hạn	7,898	6,780	16.5%
Phải thu dài hạn	6,039	4,867	24.1%
Tài sản cố định	87.5	93.2	-6.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	594	586	1.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	1,090	1,143	-4.6%
Tài sản dài hạn khác	54.7	55.7	-1.8%
Lợi thế thương mại	33.4	35.6	-6.2%
Nợ phải trả	7,217	6,102	18.3%
Nợ ngắn hạn	2,563	2,518	1.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	773	575	34.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	71.3	64.2	11.1%
Nợ dài hạn	4,654	3,584	29.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	3,020	3,044	-0.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	5,980	5,918	1.0%
Vốn chủ sở hữu	5,980	5,918	1.0%
Vốn điều lệ	4,600	4,600	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần		230	361	210	97.7
Giá vốn hàng bán		174	261	169	72.9
Lợi nhuận gộp		55.5	101	40.9	24.7
Doanh thu HĐTC		169	199	158	162
Chi phí TC		145	105	93.8	103
Chi phí lãi vay		71.3	71.1	72.7	73.5
LN trong công ty LKLD		-10.1	-122	-28.8	-24.0
Chi phí bán hàng		37.0	24.2	27.3	19.0
Chi phí QLDN		16.5	35.5	16.0	17.5
LN thuần từ HĐKD		16.4	12.6	32.8	23.2
Lợi nhuận khác		-0.30	-1.42	-4.14	34.4
LN trước thuế		16.1	11.2	28.6	57.5
Lợi nhuận sau thuế		11.7	4.76	20.2	41.5
LNST của CĐ cty mẹ		2.76	2.00	17.7	37.5

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	25.5	-754	-7.23	-237
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	-40.6	258	22.1	23.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-12.9	423	-49.4	223
Tiền đầu kỳ	0	149	121	47.3	12.8
Lưu chuyển tiền thuần	0	-27.9	-73.3	-34.5	9.78
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	121	47.4	12.8	22.6

(Nguồn: fireant.vn)